

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Báo cáo tài chính riêng quý cho kỳ
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016



Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số**

0303576603

ngày 24 tháng 6 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là ngày ngày 24 tháng 6 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu tiên số 4103002877 được cấp ngày 18 tháng 11 năm 2004.

Hội đồng Quản trị

Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang
Ông Hồ Hùng Anh

Ông Hồ Hùng Anh

Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Nguyễn Thiệu Nam

Ông Lars Kjaer

Ông Dominic Edward Salter Price

Chủ tịch

Phó chủ tịch

(từ ngày 17 tháng 3 năm 2016)

Thành viên

(đến ngày 16 tháng 3 năm 2016)

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang
Ông Nguyễn Thiệu Nam

Ông Michael Hung Nguyen

Ông Seokhee Won

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Trụ sở đăng ký

Phòng 802, Tòa nhà Central Plaza
17 Lê Duẩn

Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 Triệu VND	1/1/2016 Triệu VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		1.294.705	1.779.993
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	456.355	1.103.659
Tiền	111		9.027	17.769
Các khoản tương đương tiền	112		447.328	1.085.890
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	9	346.637	287.890
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		346.637	287.890
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5	415.699	316.523
Phải thu khách hàng	131		19.299	19.421
Trả trước cho người bán	132		411	139.931
Phải thu ngắn hạn khác	136		395.989	157.171
Tài sản ngắn hạn khác	150		76.014	71.921
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.584	974
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		55.169	52.859
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		13.261	18.088

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 Triệu VND	1/1/2016 Triệu VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		22.117.624	22.431.116
Các khoản phải thu dài hạn	210	5	7.707.682	7.908.358
Phải thu về cho vay dài hạn	215		4.358.974	4.773.374
Phải thu dài hạn khác	216		3.348.708	3.134.984
Tài sản cố định	220		2.055	3.626
Tài sản cố định hữu hình	221	6	1.230	2.429
<i>Nguyên giá</i>	222		21.009	20.899
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(19.779)	(18.470)
Tài sản cố định vô hình	227	7	825	1.197
<i>Nguyên giá</i>	228		4.532	4.532
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.707)	(3.335)
Tài sản dở dang dài hạn	240	8	4.321	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.321	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250	9	14.289.251	14.515.337
Đầu tư vào các công ty con	251		6.300.019	6.526.105
Đầu tư vào công ty liên kết	252		7.989.232	7.989.232
Tài sản dài hạn khác	260		114.315	3.795
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	114.315	3.795
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		23.412.329	24.211.109

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 Triệu VND	1/1/2016 Triệu VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		6.577.514	7.093.306
Nợ ngắn hạn	310		660.187	3.104.584
Phải trả người bán ngắn hạn	311		7.273	240
Chi phí phải trả	315	11	75.167	147.891
Phải trả khác	319	12	9.787	111.611
Vay ngắn hạn	320	13	567.960	2.844.842
Vay và nợ dài hạn	330		5.917.327	3.988.722
Vay dài hạn	338	14	5.917.327	3.988.722
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		16.834.815	17.117.803
Vốn chủ sở hữu	410	15	16.834.815	17.117.803
Vốn góp của chủ sở hữu	411	16	7.560.757	7.467.179
<i>Có phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>7.560.757</i>	<i>7.467.179</i>
Thặng dư vốn cổ phần	412	16	9.631.106	9.631.106
Vốn khác của chủ sở hữu	414	17	(1.695.338)	(1.488.972)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.338.290	1.508.490
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước</i>	<i>421a</i>		<i>1.508.490</i>	<i>2.030.845</i>
<i>Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>(170.200)</i>	<i>(522.355)</i>
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		23.412.329	24.211.109

Ngày 29 tháng 7 năm 2016

Người lập



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Michael Hung Nguyen
Phó Tổng Giám đốc
kiêm Giám đốc Tài chính




Tiên si Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch
kiêm Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

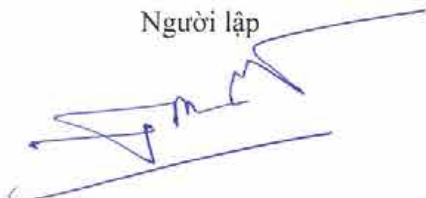
Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Từ 1/4/2016	Từ 1/4/2015	Từ 1/1/2016	Từ 1/1/2015		
		đến 30/6/2016 Triệu VND	đến 30/6/2015 Triệu VND	đến 30/6/2016 Triệu VND	đến 30/6/2015 Triệu VND		
	Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	169.414	167.710	339.588	357.558
	Chi phí tài chính	22	19	159.985	159.570	326.898	310.972
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>143.852</i>	<i>160.562</i>	<i>298.924</i>	<i>309.886</i>
	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		122.314	387.295	182.890	422.720
	Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 21 - 22 - 26)	30		(112.885)	(379.155)	(170.200)	(376.134)
	Thu nhập khác	31		-	3.921	-	7.538
	Chi phí khác	32		-	47	-	50
	Kết quả của các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		-	3.874	-	7.488
	Lỗ trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(112.885)	(375.281)	(170.200)	(368.646)
	Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51		-	-	-	-
	Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		-	-	-	-
	Lỗ thuần (60 = 50 - 51 - 52)	60		(112.885)	(375.281)	(170.200)	(368.646)

Ngày 29 tháng 7 năm 2016

Người lập



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Michael Hung Nguyen
Phó Tổng Giám đốc
kiêm Giám đốc Tài chính



Tiên si Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch
kiêm Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 Triệu VND	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lỗ trước thuế	01		(170.200)	(368.646)
Điều chỉnh cho				
Khấu hao và phân bổ	02		1.681	2.990
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		122	(470)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(319.720)	(356.836)
Chi phí lãi vay	06		298.924	309.886
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(189.193)	(413.076)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu và tài sản khác	09		(121.806)	288.585
(Giảm)/tăng các khoản phải trả và nợ khác	11		(44.730)	52.468
Giảm khoản trả trước	12		16.958	9.508
			(338.771)	(62.515)
Tiền lãi vay đã trả	14		(432.543)	(303.452)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		(771.314)	(365.967)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(4.432)	(88)
Tiền chi cho vay và tiền gửi ngân hàng	23		(514.967)	(14.469)
Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi ngân hàng	24		870.621	319.183
Chi tiền đầu tư vào công ty con và công ty liên kết	25		-	(3.694.751)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào công ty con	26		206.218	3.035.143
Tiền thu từ lãi tiền gửi, cổ tức và thu nhập khác từ hoạt động đầu tư	27		16.802	18.953
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		574.242	(336.029)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 Triệu VND	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu mới	31		93.578	-
Tiền mua lại công cụ vốn chủ sở hữu	32		(266.927)	-
Tiền thu từ vay ngắn hạn và dài hạn	33		2.000.000	819.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.276.882)	(190.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(450.231)	629.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(647.303)	(72.996)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		1.103.659	517.251
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(1)	2
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	456.355	444.257

Ngày 29 tháng 7 năm 2016

Người lập


Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Michael Hung Nguyen
Phó Tổng Giám đốc
kiêm Giám đốc Tài chínhTiên Sĩ Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch
kiêm Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý và tư vấn đầu tư.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”). Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng triệu VND làm tròn đến hàng triệu đồng gần nhất (“Triệu VND”).

Công ty Cổ phần Tập đoàn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn và Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn góp tại ngày góp vốn.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu từ khách hàng, khoản cho vay phải thu và các khoản phải thu khác là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng và các khoản ký quỹ ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (phải trả và các khoản vay): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty và Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản phải thu từ cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc của Công ty và Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc của Công ty và Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại, chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nâng cấp tài sản thuê 5 năm
- thiết bị văn phòng 3 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 5 năm.

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí sửa chữa văn phòng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình sửa chữa.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn sử dụng từ 1 đến 3 năm.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(ii) Phí dịch vụ

Phí dịch vụ là các chi phí phát sinh liên quan đến phát hành cổ phiếu lần đầu và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

(i) Phải trả thương mại và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được phân ánh theo nguyên giá.

(j) Trái phiếu phát hành

Trái phiếu

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bàng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

(l) Vốn chủ sở hữu

(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) *Vốn khác của chủ sở hữu*

Các thỏa thuận phát hành một số lượng cổ phiếu nhất định vào một ngày ấn định trong tương lai, được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý tại ngày của các thỏa thuận và được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu nếu không tồn tại các thỏa thuận thay thế nào khác.

Biến động vốn chủ sở hữu từ hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung, mua hoặc bán với lợi ích cổ đông không kiểm soát và không làm ảnh hưởng đến quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong vốn chủ sở hữu.

(m) *Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính*

(i) *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi từ cổ tức, lãi tiền gửi, lãi từ khoản cho vay, lãi từ thanh lý các khoản đầu tư vốn chủ sở hữu và lãi chênh lệch tỷ giá và lãi đã thực hiện từ các công cụ tài chính phái sinh. Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo cơ sở dồn tích.

(ii) *Chi phí tài chính*

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, phí duy trì khoản vay, lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư vốn chủ sở hữu, lỗ do chênh lệch tỷ giá và lỗ công cụ tài chính phái sinh đã thực hiện. Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản đủ điều kiện sẽ được vốn hóa như một phần của nguyên giá các tài sản này.

(n) *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các nhà đầu tư và các công ty con và công ty liên kết của các nhà đầu tư.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2016 Triệu VND	1/1/2016 Triệu VND
Tiền mặt	142	150
Tiền gửi ngân hàng	8.885	17.619
Các khoản tương đương tiền	447.328	1.085.890
	<hr/> 456.355	<hr/> 1.103.659

5. Các khoản phải thu

Phải thu khác bao gồm:

	30/6/2016 Triệu VND	1/1/2016 Triệu VND
Phải thu từ cho vay – dài hạn		
Phải thu từ các công ty con	4.358.974	4.773.374
	<hr/>	<hr/>
Phải thu ngắn hạn khác		
Phải thu phi thương mại từ các công ty liên quan	142.244	142.244
Lãi trích trước phải thu từ các khoản tiền gửi	11.967	2.905
Phải thu từ các dịch vụ	11.547	11.547
Phải thu khác	230.231	475
	<hr/> 395.989	<hr/> 157.171
	<hr/>	<hr/>
Các khoản phải thu dài hạn khác		
Ký quỹ dài hạn	2.313	2.313
Các khoản phải thu dài hạn khác từ các công ty liên quan	3.346.395	3.132.671
	<hr/> 3.348.708	<hr/> 3.134.984

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Phải thu khác bao gồm khoản phải thu từ các công ty liên quan như sau:

	30/6/2016 Triệu VND	1/1/2016 Triệu VND
Phải thu từ Công ty Cổ phần Masan – công ty mẹ		
Phi thương mại – ngắn hạn	142.244	142.244
Phải thu từ các công ty liên quan khác		
Phi thương mại – ngắn hạn	4.358.974	4.773.374
Phi thương mại – dài hạn	3.346.395	3.132.671

Phải thu phi thương mại từ Công ty Cổ phần Masan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải thu theo điều kiện hợp đồng.

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nâng cấp tài sản thuê Triệu VND	Thiết bị văn phòng Triệu VND	Tổng Triệu VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	15.140	5.759	20.899
Tăng trong kỳ	-	110	110
Số dư cuối kỳ	15.140	5.869	21.009
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	13.777	4.693	18.470
Khấu hao trong kỳ	545	764	1.309
Số dư cuối kỳ	14.322	5.457	19.779
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	1.363	1.066	2.429
Số dư cuối kỳ	818	412	1.230

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính Triệu VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ/cuối kỳ	4.532
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	3.335
Khấu hao trong kỳ	372
Số dư cuối kỳ	3.707
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	1.197
Số dư cuối kỳ	825

8. Xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2016 Triệu VND	1/1/2016 Triệu VND
Số dư đầu kỳ	-	-
Tăng trong kỳ	4.321	-
Số dư cuối kỳ	4.321	-

9. Các khoản đầu tư tài chính

	30/6/2016 Triệu VND	1/1/2016 Triệu VND
Đầu tư tài chính dài hạn		
Đầu tư vào các công ty con	6.300.019	6.526.105
Đầu tư vào các công ty liên kết (a)	7.989.232	7.989.232
	14.289.251	14.515.337
Đầu tư tài chính ngắn hạn (b)	346.637	287.890

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con trực tiếp của Công ty như sau:

	30/6/2016	1/1/2016
	Triệu VND	Triệu VND
Công ty TNHH MasanConsumerHoldings	516.600	516.600
Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Masan	3.816.815	3.816.815
Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science (trước đây là Công ty TNHH Masan Nutri-Science)	1.966.604	2.192.690
	<hr/>	<hr/>
	6.300.019	6.526.105
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(a) Đầu tư các công ty liên kết

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Công ty như sau:

	30/6/2016				1/1/2016					
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc Triệu VND	Dự phòng Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc Triệu VND	Dự phòng Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (“Techcombank”)	15%	15%	7.989.232	-	(*)	15%	15%	7.989.232	-	(*)

(*) Tại ngày lập báo cáo, chưa có thông tin về giá trị hợp lý của những khoản đầu tư này.

(b) Đầu tư tài chính ngắn hạn

Phần lớn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng và dưới 12 tháng kể từ ngày giao dịch. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này bằng Đồng Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Chi phí trả trước dài hạn**

	Phí dịch vụ Triệu VND	Chi phí khác Triệu VND	Tổng Triệu VND
Số dư đầu kỳ	-	3.795	3.795
Tăng trong kỳ	134.087	133	134.220
Phân bổ trong kỳ	(22.347)	(1.353)	(23.700)
Số dư cuối kỳ	111.740	2.575	114.315

11. Chi phí phải trả

	30/6/2016 Triệu VND	1/1/2016 Triệu VND
Lãi vay phải trả	54.264	115.383
Phí tư vấn	20.415	28.040
Thuế nhà thầu	148	2.118
Khác	340	2.350
	75.167	147.891

12. Phải trả khác

	30/6/2016 Triệu VND	1/1/2016 Triệu VND
Phải trả ngắn hạn khác		
Nghĩa vụ phát hành cổ phiếu	9.305	60.561
Khác	482	51.050
	9.787	111.611

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Vay ngắn hạn**

	30/6/2016 Triệu VND	1/1/2016 Triệu VND
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 14)	567.960	2.844.842
	<hr/>	<hr/>
	567.960	2.844.842

14. Vay dài hạn

	30/6/2016 Triệu VND	1/1/2016 Triệu VND
Khoản vay chuyển đổi	567.960	567.960
Trái phiếu có đảm bảo	5.917.327	6.265.604
	<hr/>	<hr/>
	6.485.287	6.833.564
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 13)	(567.960)	(2.844.842)
	<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau 12 tháng	5.917.327	3.988.722

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

15. Biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần Triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND	Vốn khác của chủ sở hữu Triệu VND	(Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Triệu VND	Tổng Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	7.358.081	9.631.164	(1.488.972)	2.030.845	17.531.118
Phát hành cổ phiếu mới	109.098	(58)	-	-	109.040
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(522.355)	(522.355)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	7.467.179	9.631.106	(1.488.972)	1.508.490	17.117.803
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	7.467.179	9.631.106	(1.488.972)	1.508.490	17.117.803
Phát hành cổ phiếu mới	93.578	-	-	-	93.578
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(170.200)	(170.200)
Mua lại công cụ vốn chủ sở hữu	-	-	(206.366)	-	(206.366)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	7.560.757	9.631.106	(1.695.338)	1.338.290	16.834.815

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***16. Vốn cổ phần và thặng dư vốn**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2016		1/1/2016	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND
Vốn cổ phần được duyệt	756.075.674	7.560.757	746.717.861	7.467.179
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	756.075.674	7.560.757	746.717.861	7.467.179
Thặng dư vốn cổ phần	-	9.631.106	-	9.631.106

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ/năm như sau:

	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016		Từ 1/1/2015 đến 31/12/2015	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND
Số dư đầu kỳ/năm	746.717.861	7.467.179	735.808.140	7.358.081
Phát hành cổ phiếu mới	9.357.813	93.578	10.909.721	109.098
Số dư cuối kỳ/năm	756.075.674	7.560.757	746.717.861	7.467.179

17. Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh giá trị hợp lý của số cổ phiếu nhất định của Công ty sẽ được phát hành trong tương lai.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***18. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 Triệu VND	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND
Lãi thu từ:		
• Tiền gửi	20.835	12.729
• Cho vay đầu tư khác	5.029	27.686
• Cho công ty con vay	313.724	316.421
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	722
	<hr/>	<hr/>
	339.588	357.558

19. Chi phí tài chính

	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 Triệu VND	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND
Chi phí lãi vay từ:		
• Các trái chủ	265.075	301.489
• Công ty con	-	7.996
• Khác	33.849	401
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.608	718
Lỗ do hoạt động đầu tư	19.868	-
Chi phí tài chính khác	6.498	368
	<hr/>	<hr/>
	326.898	310.972

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***20. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Cùng với số dư của bên liên quan và các giao dịch trình bày trong thuyết minh khác trong báo cáo tài chính này. Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan theo chuẩn mực kế toán Việt Nam trong kỳ như sau:

Công ty liên quan	Bản chất giao dịch	Từ 1/1/2016	Từ 1/1/2015
		đến 30/6/2016	đến 30/6/2015
		Triệu VND	Triệu VND
Công ty con			
Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Masan	Khoản vay cấp cho công ty con	-	3.196
	Thu nhập lãi từ khoản cho công ty con vay	300.411	266.295
Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Masan (trước đây là Công ty cổ phần Tài nguyên Ma San)	Thu nhập lãi từ khoản cho công ty con vay	-	37.457
	Nợ đã đối trừ	85.000	-
Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo	Thu nhập lãi từ khoản cho công ty con vay	-	11.322
	Nợ đã đối trừ	15.000	360.000
Công ty TNHH Masan Brewery (trước đây là Công ty TNHH Một Thành Viên Masan Brewery)	Thu hồi khoản vay từ công ty con	-	79.569
	Thu nhập lãi từ khoản cho công ty con vay	-	1.346
Công ty TNHH Shika	Thu nhập lãi từ khoản cho công ty con vay	13.313	-
	Khoản vay cho công ty con	228.500	-
	Thu hồi khoản vay từ công ty con	642.900	-
Công ty TNHH Kenji	Chi phí lãi vay	-	7.996
	Khoản vay nhận được từ công ty con	-	629.000
Ban quản lý chủ chốt	Thù lao trả cho Ban Giám đốc (*)	6.999	4.701

(*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2015.

